

MỤC LỤC

ĐẠO CẢM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2-4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

3

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

6

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VỐN KHẢ DỤNG

7-8

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRỊ RỦI RO

9-11

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN CHỦ YẾU

12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012



MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6
I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	7 - 8
II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	9 - 11
III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	12

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (tên giao dịch là Dong Duong Securities Incorporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán số 60/UBVK-GP ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các văn bản điều chỉnh bổ sung như sau:

- ❖ Quyết định số 83/UBCK-GPĐCCTCK ngày 19 tháng 10 năm 2007, chuẩn y cho việc thay đổi tên viết tắt của Công ty từ DSI thành DDS;
- ❖ Quyết định số 94/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 12 năm 2007, chuẩn y cho việc bổ sung địa chỉ trụ sở của Công ty từ số 150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thành số 148-150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- ❖ Thông báo số 4260/UBCK-QLKD ngày 28 tháng 12 năm 2010, chuẩn y cho việc đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 125.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.
- **Vốn pháp định** : 125.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 135.000.000.000 VND

Cơ cấu góp vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông sáng lập		4.850.000	48.500.000.000	35,93
-	Ông Phan Trường Sơn	Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	3.600.000	36.000.000.000	26,67
-	Ông Nguyễn Thanh Phong	Số 138A Bùi Thị Xuân, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	1.250.000	12.500.000.000	9,26
II.	Cổ đông khác		7.650.000	76.500.000.000	64,09
-	Ông Phạm Sơn	Số 25/35/8 Cửu Long, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	1.750.000	17.500.000.000	12,96
-	Ông Phan Mạnh Đồng	Số 230/18 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	1.250.000	12.500.000.000	16,67
-	Bà Nguyễn Thị Nhân	2B Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	614.524	6.145.240.000	4,55

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Stt	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
-	Ông Tạ Chiêu Trung	6 lô C Cư xá Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	1.771.428	17.714.280.000	13,12
-	Bà Trần Thị Thanh Châu	Số 65/4 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	625.000	6.250.000.000	4,63
-	Bà Nguyễn Phong Lan	Số 139/C2 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	125.000	1.250.000.000	0,93
-	Bà Phạm Thu Phương	2B Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	1.514.048	15.140.480.000	11,22
Cộng			13.500.000	135.000.000.000	100,00

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 39 333 273

Fax : (84 - 08) 39 333 275

Mã số thuế : 0305191655

• Ngành, nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Công ty có phương án rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán vào đầu năm 2012 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại Công văn số 24/UBCK-QLKD ngày 4 tháng 01 năm 2012. Vào ngày 26 tháng 7 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 103/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Phan Trường Sơn

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phong

Thành viên HĐQT

Ông Phạm Mạnh Đồng

Thành viên HĐQT

Bà Dương Thị Thanh Trang

Kế toán trưởng

TÌNH HÌNH VỐN KHẢ DỤNG

Tình hình vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 10).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định số 103/GPĐC-UBCK về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên ra, Công ty không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



PHAN TRƯỜNG SƠN - Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012

Số : 0038/2012/BCKQCTSX-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm: Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro và Tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2012 từ trang 5 đến trang 12 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục kiểm tra đối chiếu các chỉ tiêu trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Công tác soát xét cũng bao gồm việc đánh giá trách nhiệm tính toán các chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như trách nhiệm về tính chính xác của kết quả tính toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012



VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số công văn:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30 tháng 6 năm 2012

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



PHAN TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc

DƯƠNG THỊ THANH TRANG

Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN I: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI SUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VKD	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
		(1)	(2)	(3)
A.	Nguồn vốn	111.719.692.766	1.407.997.276	7.835.511
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8.	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(23.280.307.234)		
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		1.407.997.276	7.835.511
B.	Tài sản ngắn hạn	-	17.266.239.758	-
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		16.867.639.758	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		5.886.534.000	
2.	Trả trước cho người bán		-	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày trở xuống		7.821.945.300	
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.159.160.458	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		398.600.000	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		67.000.000	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác		331.600.000	
4.1	Tạm ứng		331.600.000	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		331.600.000	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		-	
C	Tài sản dài hạn	-	11.509.389.160	-
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	
II	Tài sản cố định		10.151.486.558	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
1.	Đầu tư vào công ty con		-	
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		1.357.902.602	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
TỔNG CỘNG		111.719.692.766	30.183.626.194	7.835.511
VỐN KHẢ DỤNG			81.543.902.083	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN II: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

CÁC HẠN MỤC ĐẦU TƯ		HS RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1.	Tiền	0%	441.398.368	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				-
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu chính phủ lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu Chính phủ thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
IV. Cổ phiếu				138.647.970
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%	15.275.800	1.527.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%	36.101.800	5.415.270
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	25.600	5.120
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	439.000.000	131.700.000
12	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch kể từ ngày giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán khác				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	M. tăng	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.				-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				138.647.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Số 148-150 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

B. RỦI RO THANH TOÁN

STT	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ RỦI RO							TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán									7.170.617.200
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	-	7.170.617.200	-	7.170.617.200
2.	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua CK có cam kết bán lại (Repo)	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán CK có cam kết mua lại (Reverse Repo)	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán									-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	-			-			-	
4.	Từ 60 ngày trở lên	-			-			-	
III. Rủi ro tăng thêm									-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.									
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I + II + III)									7.170.617.200

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	28.458.793.102
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	6.750.919.587
II.	1. Chi phí khấu hao	1.092.959.034
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(438.716.213)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	6.096.676.766
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	21.707.873.515
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	5.426.968.379
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	25.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = MAX(III, IV)		25.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (D = A + B + C)		32.309.265.170

PHẦN III: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	CÁC CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ RỦI RO/VỐN KHẢ DỤNG	GHI CHÚ
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	138.647.970	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	7.170.617.200	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	25.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	32.309.265.170	
5.	Vốn khả dụng	81.543.902.083	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	252%	